

**BẢNG TỔNG HỢP BỔ SUNG PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ CỦA TỪNG NGƯỜI CÓ ĐẤT THU HỒI**  
**Dự án: Xây dựng đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chợ Thành - Hoa Lư đoạn qua phường Minh Hưng (Đợt 03 - Lần 01)**  
*(Kèm theo Quyết định số       /QĐ-UBND ngày       /       /       của UBND phường Minh Hưng)*

| STT | Số PACT                    | Họ và tên                                                                    | Địa chỉ chủ sử dụng                                  | Số CCCD/CC; Số GCN đăng ký doanh nghiệp CTCP | Thông tin thửa đất thu hồi |                 |          |          |              |                       |                    |                     | A. Giá trị bồi thường, hỗ trợ theo chính sách Nhà nước quy định |                        |                  |                 |                  |                                                             |                                                                           |                        |                                      |                                                        |                                            |                    |                                                                          |                                                                           |                        | B. Tái định cư | Ghi chú                                                                                                        |
|-----|----------------------------|------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------|-----------------|----------|----------|--------------|-----------------------|--------------------|---------------------|-----------------------------------------------------------------|------------------------|------------------|-----------------|------------------|-------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------|--------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|------------------------|----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                            |                                                                              |                                                      |                                              | Địa chỉ thửa đất           | BD trên GCNQSDĐ |          | BD dự án |              | Diện tích đất thu hồi |                    |                     | Đất (đồng)                                                      | Nhà, công trình (đồng) | Cây trồng (đồng) | Vật nuôi (đồng) | Di chuyển (đồng) | Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (đồng) |                                                                           |                        | Hỗ trợ đào tạo nghề, học nghề (đồng) | Hỗ trợ ổn định đời sống thu hồi đất nông nghiệp (đồng) | Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh (đồng) | Khen thưởng (đồng) | Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ theo chính sách Nhà nước quy định (đồng) |                                                                           |                        |                |                                                                                                                |
|     |                            |                                                                              |                                                      |                                              |                            | Số thửa         | Số tờ BD | Số thửa  | Số tờ BD     | Tổng đất thu hồi (m²) | Đất ở thu hồi (m²) | Đất NN thu hồi (m²) |                                                                 |                        |                  |                 |                  | Sau điều chỉnh, bổ sung                                     | Theo Quyết định số 2805/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND phường Minh Hưng | Chênh lệch (tăng/giảm) |                                      |                                                        |                                            |                    | Sau điều chỉnh, bổ sung                                                  | Theo Quyết định số 2805/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND phường Minh Hưng | Chênh lệch (tăng/giảm) |                |                                                                                                                |
| (1) | (2)                        | (3)                                                                          | -4                                                   | (5)                                          | (6)                        | (7)             | (8)      | (9)      | (10)         | (11)                  | (12)               | (13)                | (14)                                                            | (15)                   | (16)             | (17)            | (18)             | (19)                                                        | (20)                                                                      | (21)                   | (22)                                 | (23)                                                   | (24)                                       | (25)               | (26)                                                                     | (27)                                                                      | (28)                   | (29)           | (30)                                                                                                           |
| 1   | 25-DCPD01-MH/PACT-TQL13-HL | Hộ bà Đặng Thị Kim Loan                                                      | Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh              | 080155000514                                 | Khu phố Minh Long 2        | 69              | 1        | 2        | 7            | 5.035,3               | 0,0                | 5.035,3             | 1.082.589.500                                                   | 0                      | 165.451.160      | 0               | 0                | 1.351.978.050                                               | 0                                                                         | 1.351.978.050          | 0                                    | 0                                                      | 0                                          | 0                  | 2.600.018.710                                                            | 1.248.040.660                                                             | 1.351.978.050          |                | Tăng 1.351.978.050 đồng do điều chỉnh, bổ sung chính sách hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm |
| 2   | 25-DCPD01-MH/PACT-TQL13-HL | Công ty CP đầu tư phát triển dự án Thịnh Phát                                | Phường Bến Cát, Thành phố Hồ Chí Minh                | 03702767115                                  | Khu phố Minh Long 2        | 113             | 1        | 1        | 6            | 870,5                 | 0,0                | 870,5               | 187.157.500                                                     | 6.479.674              | 0                | 0               | 0                | 0                                                           | 0                                                                         | 0                      | 0                                    | 0                                                      | 0                                          | 0                  | 193.637.174                                                              | 193.637.174                                                               | 0                      |                |                                                                                                                |
| 3   | 25-DCPD01-MH/PACT-TQL13-HL | Công ty CP đầu tư phát triển dự án Thịnh Phát                                | Phường Bến Cát, Thành phố Hồ Chí Minh                | 03702767115                                  | Khu phố Minh Long 2        | 199             | 1        | 2        | 6            | 1.863,9               | 0,0                | 1.863,9             | 400.738.500                                                     | 8.601.642              | 0                | 0               | 0                | 0                                                           | 0                                                                         | 0                      | 0                                    | 0                                                      | 0                                          | 0                  | 409.340.142                                                              | 409.340.142                                                               | 0                      |                |                                                                                                                |
| 4   | 28-DCPD01-MH/PACT-TQL13-HL | Ông Huỳnh Tấn Bình và bà Phạm Kiều Thủy                                      | Phường Hòa Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh                | 074076006238<br>074180007353                 | Khu phố Minh Long 2        | 200             | 1        | 3        | TĐ 55-2022   | 2.196,0               | 0,0                | 2.196,0             | 472.140.000                                                     | 39.374.033             | 196.790.497      | 0               | 0                | 589.626.000                                                 | 0                                                                         | 589.626.000            | 0                                    | 0                                                      | 0                                          | 0                  | 1.297.930.530                                                            | 708.304.530                                                               | 589.626.000            |                | Tăng 589.626.000 đồng do điều chỉnh, bổ sung chính sách hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm   |
| 5   | 29-MH/PACT-TQL13-HL        | Ông Trần Quang Hoàng và bà Phạm Thị Dung đồng sử dụng với ông Trần Quang Hóa | Khu phố Hiếu Cầm, phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai   | 046072012579<br>038179032404<br>046093006726 | Khu phố Minh Long 2        | 213             | 1        | 5        | TĐ 55-2022   | 3.083,1               | 0,0                | 3.083,1             | 662.866.500                                                     | 0                      | 100.452.490      | 0               | 0                | 827.812.350                                                 | 827.812.350                                                               | 0                      | 0                                    | 2.430.000                                              | 0                                          | 0                  | 1.593.561.340                                                            | 1.593.561.340                                                             | 0                      |                |                                                                                                                |
| 6   | 30-MH/PACT-TQL13-HL        | Ông Lê Cao Tùng                                                              | Khu phố Minh Long 2, phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai | 049075014151                                 | Khu phố Minh Long 2        | 45              | 4        | 8        | TĐ 05 - 2023 | 1.997,3               | 0,0                | 1.997,3             | 429.419.500                                                     | 0                      | 25.808.430       | 0               | 0                | 536.275.050                                                 | 536.275.050                                                               | 0                      | 0                                    | 0                                                      | 0                                          | 0                  | 991.502.980                                                              | 991.502.980                                                               | 0                      |                |                                                                                                                |
| 7   | 31-MH/PACT-TQL13-HL        | Ông Đặng Văn Y và bà Nguyễn Thị Rinh                                         | Khu phố Minh Long 2, phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai | 074052000668<br>074150000737                 | Khu phố Minh Long 2        | 130             | 4        | 6        | TĐ 05-2023   | 2.082,8               | 0,0                | 2.082,8             | 447.802.000                                                     | 0                      | 71.038.864       | 0               | 0                | 559.231.800                                                 | 559.231.800                                                               | 0                      | 0                                    | 1.620.000                                              | 0                                          | 0                  | 1.079.692.664                                                            | 1.079.692.664                                                             | 0                      |                |                                                                                                                |
| 8   | 32-MH/PACT-TQL13-HL        | Hộ ông Lê Văn Quýnh                                                          | Khu phố Minh Long 2, phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai | 038067009150                                 | Khu phố Minh Long 2        | 79              | 4        | 2        | TĐ 53-2022   | 3.493,9               | 0,0                | 3.493,9             | 751.188.500                                                     | 0                      | 117.726.960      | 0               | 0                | 938.112.150                                                 | 938.112.150                                                               | 0                      | 0                                    | 2.430.000                                              | 0                                          | 0                  | 1.809.457.610                                                            | 1.809.457.610                                                             | 0                      |                |                                                                                                                |
| 9   | 33-MH/PACT-TQL13-HL        | Ông Ngô Văn Mụm và bà Trần Thị Luận                                          | Khu phố Minh Long 2, phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai | 080056001652<br>080161002129                 | Khu phố Minh Long 2        | 15              | 9        | 1        | TĐ 52-2022   | 6.153,3               | 0,0                | 6.153,3             | 1.322.959.500                                                   | 9.553.340              | 52.402.202       | 0               | 0                | 1.652.161.050                                               | 1.652.161.050                                                             | 0                      | 0                                    | 1.620.000                                              | 0                                          | 0                  | 3.038.696.092                                                            | 3.038.696.092                                                             | 0                      |                |                                                                                                                |
| 10  | 34-MH/PACT-TQL13-HL        | Ông Trần Khắc Thành                                                          | Khu phố Minh Long 2, phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai | 040068005520                                 | Khu phố Minh Long 2        | 324             | 9        | 3        | TĐ 03-2023   | 3.345,0               | 0,0                | 3.345,0             | 719.175.000                                                     | 1.840.000              | 107.992.260      | 0               | 0                | 898.132.500                                                 | 898.132.500                                                               | 0                      | 0                                    | 810.000                                                | 0                                          | 0                  | 1.727.949.760                                                            | 1.727.949.760                                                             | 0                      |                |                                                                                                                |
| 11  | 35-MH/PACT-TQL13-HL        | Hộ ông Nguyễn Sỹ Thành                                                       | Khu phố Minh Long 2, phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai | 042055001505                                 | Khu phố Minh Long 2        | 18              | 9        | 2        | TĐ 03-2023   | 6.922,3               | 0,0                | 6.922,3             | 1.456.576.700                                                   | 77.866.194             | 204.689.946      | 0               | 0                | 1.787.272.500                                               | 1.787.272.500                                                             | 0                      | 0                                    | 2.430.000                                              | 0                                          | 0                  | 3.528.835.340                                                            | 3.528.835.340                                                             | 0                      |                |                                                                                                                |
| 12  | 36-MH/PACT-TQL13-HL        | Hộ ông Nguyễn Thế Đài                                                        | Khu phố Minh Long 2, phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai | 049049000466                                 | Khu phố Minh Long 2        | 14              | 14       | 11       | TĐ 51-2022   | 1.096,6               | 0,0                | 1.096,6             | 235.769.000                                                     | 646.416                | 37.017.240       | 0               | 0                | 294.437.100                                                 | 294.437.100                                                               | 0                      | 0                                    | 2.430.000                                              | 0                                          | 0                  | 570.299.756                                                              | 570.299.756                                                               | 0                      |                |                                                                                                                |
| 13  | 37-MH/PACT-TQL13-HL        | Hộ bà Phạm Thị Hồng                                                          | Khu phố Minh Long 2, phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai | 070156001082                                 | Khu phố Minh Long 2        | 80              | 9        | 10       | TĐ 51-2022   | 298,8                 | 0,0                | 298,8               | 64.242.000                                                      | 7.411.875              | 9.709.440        | 0               | 0                | 80.227.800                                                  | 80.227.800                                                                | 0                      | 0                                    | 0                                                      | 0                                          | 0                  | 161.591.115                                                              | 161.591.115                                                               | 0                      |                |                                                                                                                |
| 14  | 38-DCPD01-MH/PACT-TQL13-HL | Hộ ông Nguyễn Văn Tấn                                                        | Xã Đông Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh                 | 049066001156                                 | Khu phố Minh Long 2        | 38              | 9        | 13       | TĐ 01-2023   | 5.976,9               | 0,0                | 5.976,9             | 1.177.449.300                                                   | 0                      | 194.996.010      | 0               | 0                | 1.362.733.200                                               | 0                                                                         | 1.362.733.200          | 0                                    | 0                                                      | 0                                          | 0                  | 2.735.178.510                                                            | 1.372.445.310                                                             | 1.362.733.200          |                | Tăng 1.362.733.200 đồng do điều chỉnh, bổ sung chính sách hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm |

| STT  | Số PACT                    | Họ và tên                                                                  | Địa chỉ chủ sử dụng                                                                                                              | Số CCCD/CC; Số GCN đăng ký doanh nghiệp CTCP | Thông tin thửa đất thu hồi |                 |          |          |              |                                    |                                 | A. Giá trị bồi thường, hỗ trợ theo chính sách Nhà nước quy định |                |                        |                  |                 |                  |                                                             |                                                                           |                        |                                      |                                                        |                                            |                    |                                                                          |                                                                           | B. Tái định cư | Ghi chú                                           |                                                                                                              |
|------|----------------------------|----------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------|-----------------|----------|----------|--------------|------------------------------------|---------------------------------|-----------------------------------------------------------------|----------------|------------------------|------------------|-----------------|------------------|-------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------|--------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|----------------|---------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|      |                            |                                                                            |                                                                                                                                  |                                              | Địa chỉ thửa đất           | BD trên GCNQSDĐ |          | BD dự án |              | Diện tích đất thu hồi              |                                 |                                                                 | Đất (đồng)     | Nhà, công trình (đồng) | Cây trồng (đồng) | Vật nuôi (đồng) | Di chuyển (đồng) | Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (đồng) |                                                                           |                        | Hỗ trợ đào tạo nghề, học nghề (đồng) | Hỗ trợ ổn định đời sống thu hồi đất nông nghiệp (đồng) | Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh (đồng) | Khen thưởng (đồng) | Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ theo chính sách Nhà nước quy định (đồng) |                                                                           |                |                                                   |                                                                                                              |
|      |                            |                                                                            |                                                                                                                                  |                                              |                            | Số thửa         | Số tờ BD | Số thửa  | Số tờ BD     | Tổng đất thu hồi (m <sup>2</sup> ) | Đất ở thu hồi (m <sup>2</sup> ) | Đất NN thu hồi (m <sup>2</sup> )                                |                |                        |                  |                 |                  | Sau điều chỉnh, bổ sung                                     | Theo Quyết định số 2805/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND phường Minh Hưng | Chênh lệch (tăng/giảm) |                                      |                                                        |                                            |                    | Sau điều chỉnh, bổ sung                                                  | Theo Quyết định số 2805/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND phường Minh Hưng |                |                                                   | Chênh lệch (tăng/giảm)                                                                                       |
| (1)  | (2)                        | (3)                                                                        | -4                                                                                                                               | (5)                                          | (6)                        | (7)             | (8)      | (9)      | (10)         | (11)                               | (12)                            | (13)                                                            | (14)           | (15)                   | (16)             | (17)            | (18)             | (19)                                                        | (20)                                                                      | (21)                   | (22)                                 | (23)                                                   | (24)                                       | (25)               | (26)                                                                     | (27)                                                                      | (28)           | (29)                                              | (30)                                                                                                         |
| 15   | 39-MH/PACT-TQL13-HL        | Bà Phạm Thị Loan                                                           | Khu phố Minh Long 2, phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai                                                                             | 070175002238                                 | Khu phố Minh Long 2        | 26              | 9        | 5        | TĐ 03 - 2023 | 2.172,9                            | 0,0                             | 2.172,9                                                         | 467.173.500    | 0                      | 73.556.140       | 0               | 0                | 583.423.650                                                 | 583.423.650                                                               | 0                      | 0                                    | 810.000                                                | 0                                          | 0                  | 1.124.963.290                                                            | 1.124.963.290                                                             | 0              |                                                   |                                                                                                              |
| 16   | 40-MH/PACT-TQL13-HL        | Ông Phạm Ngọc Hùng                                                         | Khu phố Minh Long 2, phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai                                                                             | 049067001632                                 | Khu phố Minh Long 2        | 267             | 9        | 8        | TĐ 02 - 2023 | 4.596,3                            | 0,0                             | 4.596,3                                                         | 988.204.500    | 11.021.725             | 154.744.200      | 0               | 0                | 0                                                           | 0                                                                         | 0                      | 0                                    | 0                                                      | 0                                          | 0                  | 1.153.970.425                                                            | 1.153.970.425                                                             | 0              |                                                   |                                                                                                              |
| 17   | 41-MH/PACT-TQL13-HL        | Bà Phạm Thị Kim Châu                                                       | Phường Bình Hưng Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh                                                                                      | 049178000528                                 | Khu phố Minh Long 2        | 150             | 9        | 7        | TĐ 02- 2023  | 1.378,9                            | 0,0                             | 1.378,9                                                         | 296.463.500    | 0                      | 46.726.680       | 0               | 0                | 0                                                           | 0                                                                         | 0                      | 0                                    | 0                                                      | 0                                          | 0                  | 343.190.180                                                              | 343.190.180                                                               | 0              |                                                   |                                                                                                              |
| 18   | 42-MH/PACT-TQL13-HL        | ĐSD bà Hồ Thị Thanh và bà Nguyễn Thị Kỳ Hoa                                | Phường Hòa Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh<br>Xã Đồng Tâm, tỉnh Đồng Nai                                                              | 070189004007<br>046174002979                 | Khu phố Minh Long 2        | 128             | 4        | 11       | TĐ 54- 2022  | 93,8                               | 0,0                             | 93,8                                                            | 20.167.000     | 0                      | 3.034.200        | 0               | 0                | 0                                                           | 0                                                                         | 0                      | 0                                    | 0                                                      | 0                                          | 0                  | 23.201.200                                                               | 23.201.200                                                                | 0              |                                                   |                                                                                                              |
| 19   | 43-DCPD01-MH/PACT-TQL13-HL | Bà Huỳnh Hoàng Thụy                                                        | Phường Bình Phước, thành phố Đồng Nai                                                                                            | 051187001094                                 | Khu phố Minh Long 2        | 343             | 9        | 6        | TĐ 51- 2022  | 591,1                              | 0,0                             | 591,1                                                           | 127.086.500    | 0                      | 28.000           | 0               | 0                | 158.710.350                                                 | 0                                                                         | 158.710.350            | 0                                    | 0                                                      | 0                                          | 0                  | 285.824.850                                                              | 127.114.500                                                               | 158.710.350    |                                                   | Tăng 158.710.350 đồng do điều chỉnh, bổ sung chính sách hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm |
| 20   | 44-MH/PACT-TQL13-HL        | ĐSD bà Nguyễn Thị Phương Thảo, bà Nguyễn Thị Bích Liễu và bà Trần Thị Thơm | Khu phố 2, phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai<br>Xã Minh Thanh, Thành phố Hồ Chí Minh<br>Khu phố 5, phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai | 030189012200<br>080189001826<br>070185008148 | Khu phố 5                  | 37              | 20       | 4        | 3            | 7.511,5                            | 0,0                             | 7.511,5                                                         | 1.614.972.500  | 357.700.084            | 239.727.620      | 0               | 0                | 2.016.837.750                                               | 2.016.837.750                                                             | 0                      | 0                                    | 0                                                      | 0                                          | 0                  | 4.229.237.954                                                            | 4.229.237.954                                                             | 0              |                                                   |                                                                                                              |
| 21   | 25-DCPD01-MH/PACT-TQL13-HL | ĐSD ông Lê Xuân Hùng và ông Huỳnh Tấn Tú                                   | Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh<br>Khu phố 12, phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai                                       | 038073015655<br>070084003086                 | Khu phố 5                  | 1178            | 5        | 3        | 6            | 982,5                              | 100,0                           | 882,5                                                           | 284.837.500    | 482.692.904            | 30.170.599       | 0               | 0                | 118.475.625                                                 | 118.475.625                                                               | 0                      | 0                                    | 0                                                      | 0                                          | 20.000.000         | 936.176.628                                                              | 936.176.628                                                               | 0              | Chủ sử dụng không có nhu cầu nhận đất tái định cư |                                                                                                              |
| 22   | 46-MH/PACT-TQL13-HL        | Ông Phạm Văn An và bà Nguyễn Thị Thủy                                      | Khu phố 5, phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai                                                                                       | 070074001442<br>040173000708                 | Khu phố 5                  | 13              | 21       | 3        | 4            | 6.481,6                            | 146,5                           | 6.335,1                                                         | 1.431.634.000  | 756.496.289            | 190.749.362      | 0               | 10.000.000       | 1.700.974.350                                               | 1.700.974.350                                                             | 0                      | 0                                    | 1.620.000                                              | 0                                          | 20.000.000         | 4.111.474.001                                                            | 4.111.474.001                                                             | 0              | Chủ sử dụng không có nhu cầu nhận đất tái định cư |                                                                                                              |
| Tổng |                            |                                                                            |                                                                                                                                  |                                              |                            | 22              |          | 22       |              | 68.224,3                           | 246,5                           | 67.977,8                                                        | 14.640.612.500 | 1.759.684.176          | 2.022.812.300    | 0               | 10.000.000       | 15.456.421.275                                              | 11.993.373.675                                                            | 3.463.047.600          | 0                                    | 16.200.000                                             | 0                                          | 40.000.000         | 33.945.730.251                                                           | 30.482.682.651                                                            | 3.463.047.600  |                                                   |                                                                                                              |